

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về “đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về “đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 52/NQ-CP) và Văn bản số 284/UBND-CSĐT ngày 30/3/2017 của Ủy ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Cụ thể hóa Nghị quyết số 52/NQ-CP gắn với thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 của Chính phủ, Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 29/5/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân tộc trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với bảo vệ vững chắc quốc phòng, an ninh tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

- Tạo sự chuyển biến căn bản trong việc phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, toàn diện, bền vững về kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

2. Yêu cầu:

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP phải phù hợp với thực tiễn tỉnh Quảng Ninh, với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể. Xác định rõ và tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU CHUNG VÀ CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu chung:

Nâng cao và từng bước phát triển toàn diện nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh về thể lực, trí lực và tác phong, kỷ luật, kỹ năng nghề nghiệp, cơ cấu hợp lý, để từng bước thu hẹp khoảng cách với trình độ chung của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của đất nước, của tỉnh và nhu cầu thị trường lao động; trong đó quan tâm ưu tiên các dân tộc thiểu số có nguồn nhân lực còn hạn chế. Xây dựng đội ngũ trí thức, doanh nhân, cán bộ người dân tộc thiểu số và lao

động trực tiếp có chất lượng nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh của tỉnh.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

2.1. Nâng cao thể lực

- Tăng cường sức khỏe người dân tộc thiểu số: Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi người dân tộc thiểu số đến 2020 xuống dưới 15‰, năm 2030 xuống dưới 10‰. Phần đầu đến năm 2020 nâng tuổi thọ bình quân của người dân tộc thiểu số lên 73 tuổi, năm 2030 lên 75 tuổi.

- Nâng thể trạng, tầm vóc của người dân tộc thiểu số: Giảm tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi đến năm 2020 xuống dưới 23%, đến năm 2030 xuống dưới 19%.

2.2. Phát triển trí lực

- Đến năm 2020, có 25% trở lên trẻ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi nhà trẻ và 75% trở lên trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non; đến năm 2030 nâng tỷ lệ này lên tương ứng từ 26,5% trở lên và 90,2% trở lên.

- Đến năm 2020, tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học là 97%, ở bậc trung học cơ sở là 93% và 50% thanh niên dân tộc thiểu số trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương; đến năm 2030, phần đầu tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học là 100%, ở bậc trung học cơ sở là 95%.

- Phần đầu đến năm 2020, số sinh viên người dân tộc thiểu số ở tất cả các hệ đào tạo đạt từ 130 đến 150 sinh viên/vạn dân (người dân tộc thiểu số); năm 2030 đạt từ 200 đến 250 sinh viên/vạn dân (người dân tộc thiểu số).

- Đào tạo sau đại học cho người dân tộc thiểu số, phần đầu đến năm 2020 đạt tỷ lệ khoảng 0,4%; năm 2030 là 0,7% trong tổng số lao động dân tộc thiểu số đã qua đào tạo.

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 đạt trên 35%; phần đầu đến năm 2030 đạt trên 55%.

2.3. Nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động và thông tin thị trường

- 100% các trường học, cơ sở đào tạo nghề có nội dung, hoạt động phù hợp để nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, ngoại ngữ và tin học, rèn luyện kỹ năng sống, kiến thức về hội nhập quốc tế cho học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số.

- Đến năm 2020, phần đầu có 60%, năm 2030 có 75% số lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi được cung cấp thông tin thị trường lao động, việc làm.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục giữ vững và duy trì kết quả đã đạt được, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; quan tâm đầu tư, xây dựng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chuẩn quốc gia; thực hiện các chính sách đặc thù của tỉnh đối với trẻ em, học sinh dân tộc thiểu số học bán trú, nội trú. Phòng chống mù chữ cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, các trường, điểm trường có nhiều học sinh dân tộc bán trú; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp, ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông đến các trường, bổ sung trang thiết bị dạy học, đặc biệt là các trường ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng có đông học sinh dân tộc thiểu số; tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học của giáo viên, học sinh.

- Rà soát bổ sung, điều chỉnh các chế độ, chính sách ưu đãi, ưu tiên đặc biệt dành riêng cho học sinh, giáo viên học tập và làm việc tại vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số; phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên người dân tộc thiểu số; tăng cường công tác tuyên truyền vận động học sinh, phụ huynh tiếp tục khắc phục khó khăn để cho các em học sinh học lên Trung học phổ thông và tương đương.

- Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng dân dân tộc thiểu số cho cán bộ, giáo viên đang làm việc tại các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

- Tiếp tục quan tâm giải quyết việc làm cho sinh viên cử tuyển đã tốt nghiệp đại học từ năm 2016 trở về trước; tham mưu cấp có thẩm quyền các chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên là người dân tộc sinh sống tại các xã, thôn vùng khó khăn học đại học, cao đẳng, học nghề.

2. Lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe

- Thực hiện tốt công tác truyền thông tại cộng đồng và tại các cơ sở cung cấp dịch vụ, với nội dung phù hợp với văn hóa, ngôn ngữ dân tộc để nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số về chăm sóc sức khỏe; tổ chức các hoạt động truyền thông về nâng cao chất lượng dân số, trong đó tập trung truyền thông về các nội dung liên quan đến tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại các vùng có đông người dân tộc thiểu số sinh sống.

- Đào tạo bổ sung kiến thức, nâng cao kỹ năng cho cán bộ trực tiếp làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại các tuyến; trong đó chú trọng tuyến xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Kiện toàn, tập huấn cho cán bộ chuyên trách, cộng tác viên y tế thôn bản và cán bộ liên ngành về công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe ban đầu, công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em. Đào tạo liên tục cho cán bộ y tế trực tiếp làm công tác đỡ đẻ các tuyến để đạt được tiêu chuẩn của người đỡ đẻ có kỹ năng. Tăng cường tạo bác sĩ chuyên khoa Nhi và Nhi sơ sinh cho bệnh viện, Trung tâm y tế các địa phương vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Triển khai và hỗ trợ các hoạt động can thiệp dinh dưỡng sớm, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ em, phụ nữ mang thai và phụ nữ độ tuổi sinh đẻ. Hỗ trợ sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng tại cộng đồng, ưu tiên trẻ dưới 2

tuổi tại các xã vùng khó khăn, vùng có tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi và chiều cao theo tuổi còn cao, vùng dân tộc thiểu số; phối hợp xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ dinh dưỡng “uống sữa miễn phí cho trẻ em” từ 2 đến 3 tuổi. Triển khai lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh (IMCI) tại tuyến xã, ưu tiên các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường hoạt động của Đơn nguyên sơ sinh tại Bệnh viện huyện và Góc sơ sinh tại Trạm y tế xã có đỡ đẻ vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mở rộng triển khai mô hình nâng cao chất lượng dân số ở vùng dân tộc thiểu số. Tiếp tục triển khai mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, trong đó tập trung vào việc tư vấn, khám sức khỏe miễn phí cho nhóm đối tượng là thanh niên chuẩn bị kết hôn là người dân tộc thiểu số. Bổ sung chỉ tiêu theo dõi về số người chết chia theo nhóm tuổi và dân tộc để có cơ sở phân tích, đánh giá chỉ tiêu thọ bình quân của người dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số và Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/4/2016 của Liên Bộ: Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chi tiết Nghị định 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho các Trạm y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bổ sung các dụng cụ, trang thiết bị, thuốc thiết yếu về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Trạm y tế xã theo đúng quy định. Hỗ trợ giúp đỡ đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn về địa lý và tài chính để tiếp cận tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em.

3. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm

- Chú trọng tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tư vấn, tuyển sinh học nghề và giới thiệu việc làm; nâng cao nhận thức cho người dân tộc thiểu số về vai trò của giáo dục nghề nghiệp trong giải quyết việc làm, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập, ổn định đời sống.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hiện hành hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số. rà soát các cơ chế chính sách hiện hành để đề xuất, xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người dân tộc phù hợp với thực tiễn trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo; đào tạo gắn với hỗ trợ giải quyết việc làm theo nhu cầu của doanh nghiệp và của thị trường lao động. Các cơ sở đào tạo chủ động xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp; chương trình đào tạo phải gắn với yêu cầu đòi hỏi của thị trường lao động và phù hợp với năng lực tiếp thu của người dân tộc thiểu số.

- Tăng cường phối hợp, liên kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp để huy động doanh nghiệp và người sử dụng lao động tham gia xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập, chất lượng đào tạo của các cơ sở đào tạo nhằm đảm bảo cho các hoạt động dạy nghề đáp ứng được Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu của người sử dụng lao động và giải quyết việc làm của người dân tộc thiểu số.

- Thực hiện có hiệu quả việc cung cấp thông tin thị trường lao động, mở rộng công tác tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh. Tổ chức các phiên giao dịch việc làm tại địa bàn các huyện có đông lao động là người dân tộc thiểu số, qua đó kết nối doanh nghiệp - cơ sở đào tạo nghề với người lao động dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số có đủ phẩm chất, năng lực, chính trị, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để trình cấp có thẩm quyền bố trí những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm theo dõi công tác giáo dục nghề nghiệp và giới thiệu việc làm để thông tin, tư vấn và tổng hợp nhu cầu học nghề, cung cấp thông tin về các khóa đào tạo nghề, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp cũng như quyền lợi và trách nhiệm của người lao động đến người dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chủ động trong thực hiện công tác kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp (trong đó có công tác tự kiểm tra của cơ sở đào tạo), hoạt động liên kết đào tạo tại địa phương của các cơ sở đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề, thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người dân tộc thiểu số đạt hiệu quả cao, đúng đối tượng, đúng quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc tỉnh

- Là cơ quan thường trực, có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra tình hình triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan đề xuất, xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu kiểm tra, hướng dẫn, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, tham mưu báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh để định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Chính phủ và Ủy ban Dân tộc theo yêu cầu của Ủy ban Dân tộc tại 284/UBNDT-CSĐT ngày 30/3/2017.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển để lồng ghép, thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ của Kế hoạch.

3. Sở Tài chính: Chủ trì tham mưu bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên góp phần thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ của Kế hoạch.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì tham mưu, thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở

tham mưu, quản lý liên quan đến thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của tỉnh; trong đó chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, nhất là tại địa bàn các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Phòng chống tái mù chữ cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, đề xuất, tham gia sửa đổi, bổ sung, xây dựng và tham mưu triển khai thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo liên quan đến phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của tỉnh.

5. Sở Y tế

- Chủ trì tham mưu, thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp thuộc lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số tại Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở tham mưu, quản lý liên quan đến thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của tỉnh; trong đó chú trọng giải pháp nâng cao chất lượng y tế, chăm sóc sức khỏe cho đồng bào các dân tộc thiểu số của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, đề xuất, tham gia sửa đổi, bổ sung, xây dựng và tham mưu triển khai thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực y tế liên quan đến phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của tỉnh.

6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Chủ trì tham mưu, thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số tại Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở tham mưu, quản lý, trong đó có ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, đề xuất, tham gia sửa đổi, bổ sung, xây dựng và tham mưu triển khai thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực đào tạo nghề, giải quyết việc làm, góp phần thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của tỉnh.

7. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở, ngành liên quan tham mưu, triển khai thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong tình hình mới và các chính sách liên quan để sử dụng hiệu quả nhân lực các dân tộc thiểu số đã qua đào tạo.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các sở, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành

để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền việc bố trí những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm theo dõi công tác giáo dục nghề nghiệp và giới thiệu việc làm theo Nghị quyết số 52/NQ-CP.

8. Sở Công thương: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu, triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nội dung về phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số.

9. Sở Thông tin và Truyền thông: Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về các nội dung liên quan đến giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe và phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số. Phát triển các mô hình truyền thông hiệu quả tại cộng đồng vùng dân tộc thiểu số và miền núi gắn với thực hiện mục tiêu phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của tỉnh tại Kế hoạch này.

10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tham mưu xây dựng kế hoạch của tỉnh thực hiện kế hoạch tổng thể kết hợp quân dân y bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số do Bộ Quốc phòng chủ trì xây dựng; tham gia xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng thanh niên người dân tộc thiểu số trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự, góp phần phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số của tỉnh.

11. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp thực hiện các nội dung có liên quan, góp phần thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Tuyên truyền, vận động các cấp hội, đoàn thể, đoàn viên, hội viên và nhân dân, nhất là tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này. Giám sát thực hiện và đề xuất, kiến nghị các cơ chế, chính sách cụ thể góp phần phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 52/NQ-CP.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Cụ thể hóa Kế hoạch này của Ủy ban nhân dân tỉnh để xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương; hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số và đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội.

- Thực hiện có hiệu quả các chiến lược, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tại địa phương gắn với phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 52/NQ-CP và Kế hoạch này của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bố trí, lồng ghép, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, giải quyết việc làm, phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số tại địa phương.

- Thực hiện tốt công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này tại địa phương; báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm gửi về Ban Dân tộc tỉnh (trước ngày 15/6 và 15/11) để tổng hợp, tham mưu báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ và Ủy ban Dân tộc theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương triển khai, tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc (B/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
- Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- V0-5; NLN1-2-3, GD, VX1,2,3, TM3, TM4;
- Lưu: VT, NLN3 (CV 30b, CV235).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Thị Thu Thủy